

**TOÀ ÁN NH DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15/4/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TOÀ ÁN NH DÂN HUYỆN CẨM THỦY

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết.

Các hội thẩm Nh dân: Ông Nguyễn Ngọc Tính và ông Dương Đình Tài

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát Nh dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án Nh dân huyện Cẩm Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cao Thị Q, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn Quý Trung, xã Cẩm Quý, Cẩm Thủy, Thanh hoá. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Quý Trung, xã Cẩm Quý, Cẩm Thủy, Thanh hoá. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/11/2024 và bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là chị Cao Thị Q trình bày: Chị và anh Bùi Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014. Đến ngày 29/4/2016, mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Quý, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng hoà thuận. Đến tháng 11/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên Nh

anh T nghị ngờ chị có mối quan hệ với người khác. Anh T và gia đình anh đã đuổi chị nên chị đã về nhà mẹ đẻ để sống từ ngày mừng 8 tết (âm lịch) năm 2024 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh T.

Bị đơn anh Bùi Văn T trình bày: Anh và ch Q tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Quý vào ngày 29/4/2016. Ch Q có tình cảm với người khác, anh và chị đã ly thân khoảng một năm nay. Ch Q viết đơn ly hôn, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ch Q.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 03 con chung là Bùi Huyền Tr, sinh ngày 30/4/2014, Bùi Ngọc D, sinh ngày 19/2/2017 và cháu Bùi Thiện Nh, sinh ngày 06/4/2020.

Ch Q có nguyện vọng được nuôi cháu Bùi Thiện Nh, không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, Anh T có nguyện vọng được nuôi cả 03 con, không yêu cầu ch Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát Nh dân huyện Cẩm Thủy phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, điều 58 và điều 81, điều 82, điều 83 và điều 84 – Luật Hôn Nh và gia đình. Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn Nh: Đề nghị xử cho ch Q được ly hôn anh T.

Về con chung: Giao cháu Bùi Huyền Tr, sinh ngày 30/4/2014 và Bùi Ngọc D, sinh ngày 19/2/2017 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ tuổi thành niên. Giao cháu Bùi Thiện Nh, sinh ngày 06/4/2020 cho ch Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ch Q và anh T không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Ch Q phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Cao Thị Q làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Bùi Văn T trú tại: Thôn Quý Trung, xã Cẩm Quý, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nh dân huyện Cẩm Thủy, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn Nh: Ch Q và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Quý, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa nên được công nhận là hôn Nh hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng là do anh T nghi ngờ chị có mối quan hệ tình cảm với người khác, đã ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án anh T không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc anh trình bày ch Q có mối quan hệ tình cảm với người khác giới. Ch Q xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Xét mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, phát triển ngày một trầm trọng, mục đích hôn Nh không đạt được. Căn cứ vào điều 56 – Luật hôn Nh và gia đình, xử cho ch Q được ly hôn anh T.

[4] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 03 con chung là Bùi Huyền Tr, sinh ngày 30/4/2014, Bùi Ngọc D, sinh ngày 19/2/2017 và cháu Bùi Thiện Nh, sinh ngày 06/4/2020.

Ch Q có nguyện vọng được nuôi cháu Bùi Thiện Nh, không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, Anh T có nguyện vọng được nuôi cả 03 con, không yêu cầu ch Q cấp dưỡng nuôi con. Anh và chị đều có điều kiện, nguyện vọng nuôi con là chính đáng. Tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, hiện nay cháu Nh còn nhỏ sinh ngày 06/4/2020 và đang ở cùng với ch Q, cháu Tr và cháu D đang ở cùng với anh T, không nên thay đổi tình trạng này. Cháu Tr và cháu D có nguyện vọng được ở với bố, còn cháu Nh chưa đủ 7 tuổi nên Toà án không thể hỏi nguyện vọng của cháu xem muốn ở với ai. Do đó, căn cứ Điều 81 – Luật hôn Nh và gia đình: Giao cháu Bùi Huyền Tr, sinh ngày 30/4/2014 và Bùi Ngọc D, sinh ngày 19/2/2017 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ tuổi thành

niên. Giao cháu Bùi Thiện Nh, sinh ngày 06/4/2020 cho ch Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ch Q và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Ch Q phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, điều 56, điều 57, điều 81, 82, 83 và điều 84 - Luật hôn Nh và gia đình. Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147 và điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Về hôn Nh: Xử cho chị Cao Thị Q được ly hôn anh Bùi Văn T.

Về con chung: Công nhận vợ chồng có 03 con chung: là Bùi Huyền Tr, sinh ngày 30/4/2014, Bùi Ngọc D, sinh ngày 19/2/2017 và cháu Bùi Thiện Nh, sinh ngày 06/4/2020.

Giao cháu Bùi Huyền Tr, sinh ngày 30/4/2014 và Bùi Ngọc D, sinh ngày 19/2/2017 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ tuổi thành niên. Giao cháu Bùi Thiện Nh, sinh ngày 06/4/2020 cho ch Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, các bên không yêu cầu giải quyết. Ch Q và anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Cao Thị Q và anh Bùi Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ch Q phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu Ký hiệu BLTU/24 số 0005101, ngày 10/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy. Ch Q đã nộp đủ án phí DSST.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm thuỷ;
- TAND tỉnh Thanh hoá;
- Chi cục THADS huyện Cẩm thuỷ;
- UBND xã Cẩm Quý;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Vũ Thị Ánh Tuyết

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm Nh dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

